

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-PT
Ngày 12-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung.
Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Dừa.
Ông Huỳnh Đắc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ứng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, mua bán và hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 96/2020/DS-ST, ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2021/QĐPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐ-PT ngày 01/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:*

1/ Ông Trần Hữu C, sinh năm 1957 (có mặt)

2/ Bà Phạm Thị L, sinh 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Tấn L1, Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2020 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Q là nguyên đơn trình bày: Ông Trần Hữu C, bà Phạm Thị L có quan hệ mua bán tôm giống, chơi hụi và vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị Q từ năm

2017. Đến ngày 07/9/2019 tổng kết số nợ vợ chồng ông Trần Hữu C, bà Phạm Thị L có nợ bà Phạm Thị Q số tiền vốn gốc: 464.325.000 đồng. Bên ông C bà L có ký tên biên nhận nợ với bà Q và thỏa thuận trả lãi theo mức lãi suất ngân hàng quy định, hàng năm ông C, bà L trả 50.000.000 đồng tiền vốn. Đến hạn trả nhưng vợ chồng ông C, bà L không trả nên bà Q kiện yêu cầu ông C, bà L trả số tiền 496.827.750 đồng (trong đó: vốn gốc: 464.325.000 đồng; lãi 32.502.750 đồng).

- Theo lời khai của bị đơn ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L trình bày: Vợ chồng ông C có mua bán tôm giống, chơi hụi với bà Nguyễn Thị Q. Đến khoảng tháng 11/2019 thì vợ, chồng ông với bà Quý có thống nhất số tiền còn nợ bằng 182.000.000đ gồm: Tiền hụi 70.000.000 đồng, tiền tôm giống 36.000.000 đồng, tiền lời do bà Q đóng thay 31.000.000 đồng, tiền mượn đóng bảo hiểm 5.000.000 đồng, tiền mượn mua xe rửa 800.000 đồng, tiền mượn đi chợ 200.000 đồng, tiền lãi của bà P 27.000.000 đồng, còn lại là tiền hụi. Trừ tiền hụi 60.000.000 đồng được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết bằng quyết định số 97/2020/QĐST ngày 24/6/2020 và 31.000.000 đồng khai ngày 07/9/2018 âm lịch bà Q hốt hụi không giao cho vợ, chồng. Còn trừ ông, bà còn thiếu lại bà Q 91.000.000 đồng. Nay ông bà chỉ đồng ý trả cho bà Q 91.000.000 đồng và lãi thì tính từ ngày 07/9/2019 âm lịch cho đến nay theo lãi suất nhà nước.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 96/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

Buộc bị đơn bà Phạm Thị L và ông Trần Hữu C phải trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền bằng 516.303.600 đồng, trong đó vốn gốc bằng 464.325.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 10/11/2020 bằng 51.978.600 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/12/2020 ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Q 91.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị Q: Ông C và bà L tham gia chơi nhiều dây hụi do bà làm đầu thảo, mua tôm giống của bà từ năm 2017, mượn tiền của bà để đóng bảo hiểm nhân thọ và mua xe rửa; mua bán nhiều lần và tham gia chơi nhiều dây hụi bà không nhớ cụ thể tiền thiếu của dây hụi nào cũng như các lần mua tôm giống còn thiếu, đến ngày 07/9/2019 âm lịch thì tổng kết ông C, bà L còn thiếu bà 464.325.000 đồng và viết giấy biên nhận nợ cam kết trả nợ cho bà.

Ý kiến của ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L: ông, bà cũng không xác định được các dây hụi đã tham gia chơi hụi còn thiếu tiền và tiền mua tôm giống còn thiếu theo sổ ghi của bà Q giao vợ chồng ông thì hai vợ chồng ông chỉ còn thiếu 182.000.000 đồng.

Ý kiến của vị luật sư bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L: tờ biên nhận nguyên đơn cung cấp có dấu hiệu sửa chữa nên không có giá trị chứng minh. Việc giao dịch giữa hai bên diễn ra trong thời gian dài, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ tiền mua tôm giống bằng bao nhiêu, nợ hui bằng bao nhiêu. Bị đơn cũng không xác định được nợ hui bằng bao nhiêu, nợ mua tôm giống bằng bao nhiêu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C và bà L sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Q khởi kiện yêu cầu ông C, bà L trả số tiền 464.325.000 đồng và tiền lãi. Bà Q cung cấp cho yêu cầu là Biên nhận nợ và tờ cam kết. Tuy nhiên biên nhận và tờ cam kết thể hiện số nợ mà ông C, bà L thiếu bà Q là khác nhau. Chứng cứ bà Q cung cấp biên nhận nợ cao hơn tờ cam kết bà biên nhận nợ có dấu hiệu sửa chữa năm là chưa có giá trị pháp lý cao. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn khai không nhớ từng khoản nợ cụ thể. Bị đơn thừa nhận có ký tên trong tờ biên nhận và tờ cam kết, bị đơn kháng cáo đồng ý trả 91.000.000 đồng nhưng không đưa được chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm buộc ông C, bà L trả cho bà Q 446.000.000 đồng là lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, luật sư và kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L còn trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm chấp nhận để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L chỉ đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Q 91.000.000 đồng.

Ông C, bà L khai trong quá trình mua bán chơi hui chung đến tháng 11/2019 vợ, chồng ông C còn nợ lại bà Q 182.000.000 đồng trừ tiền hui Tòa án đã giải quyết 60.000.000 đồng và 31.000.000 đồng bà Q hót không giao còn thiếu lại bà Q 91.000.000 đồng. Phía ông C, bà L có cung cấp chứng cứ là quyển tập do bà Q ghi số tiền mua bán, tiền mượn, tiền chơi hui của hai người.

Bà Nguyễn Thị Q thừa nhận quyển sổ trên do bà ghi ngoài ra còn cuốn sổ thứ hai nhưng bên ông C, bà L không cung cấp. Đến ngày 7/9/2019 hai bên thống nhất tổng kết số nợ bằng 464.325.000 đồng và ông C, bà L có viết cam kết trong khi chưa trả hết số nợ trên thì không được tặng cho chuyển nhượng đất nên các giấy tờ mua bán và giấy tờ chơi hui bà đã bỏ mất.

[3] Qua xem xét quyển tập do bên ông Q bà L cung cấp được đánh bút lục từ số 24 - 30 thể hiện ngày 30/9/2017 ông C nợ bà Q 175.250.000 đồng, đến ngày 30/11/2017 nợ 237.825.000 đồng (BL 28) sau số tiền này là ghi bảng tính tiền hụi tổng cộng 182.000.000 đồng. Tại bút lục số 30 của cuốn sổ có ghi “Ngày 07/9/2018(âm lịch) vợ chồng anh C, chị L nợ cô Q 464.325.000 đồng (bốn trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm hai lăm ngàn đồng) Hụi 5.000.000 khai 05/2/2018 đóng đến 05/8/2019 nợ lại 22.000.000 đồng”. Phía ông C, bà L khai đến tháng 11/2019 chỉ nợ bà Q tổng cộng bằng 182.000.000 đồng là không có căn cứ.

Ông C, bà L có cho rằng trong 182.000.000 đồng. Tòa án T có giải quyết bằng quyết định số 97/2020/QĐST ngày 24/6/2020 ông bà trả tiền hụi cho bà Q bằng 60.000.000 đồng và đây khai ngày 07/9/2018 âm lịch bà Q hốt hụi 31.000.000 đồng không giao cho vợ, chồng ông C. Bà Q cho rằng số tiền hụi 60.000.000 đồng là đây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 05/2/2018 ông C hốt hụi còn thiếu 15 kỳ hụi chết do hụi chưa mãn nên Tòa án giải quyết trả 12 kỳ bằng 60.000.000 đồng, còn lại 3 kỳ hụi chết chưa đến mãn nên chưa giải quyết. Đây hụi này khai sau. Trong cuốn sổ do bà L và ông Q cung cấp từ bút lục số 24 - 29 thì không có thể hiện tên của đây hụi này, tại bút lục số 30 sau khi ghi số nợ 464.325.000 đồng còn ghi hụi 5.000.000 đồng khai ngày 05/2/2018 đóng đến 05/8/2019 còn nợ 22.000.000 đồng. Quyết định số 97/2020/QĐST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện T là giải quyết số tiền thiếu của đây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 05/02/2018. Đối với số tiền 31.000.000 đồng ông C và bà L cho rằng bà Q hốt hụi chưa giao tiền cho ông, bà nhưng ông, bà cũng không cung cấp bà Q hốt đây hụi nào, đây hụi bao nhiêu tiền, có mấy phần tham gia trong đây hụi, bà Q không thừa nhận có hốt hụi chưa giao tiền cho ông C, bà L. Ông C, bà L không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Tờ biên nhận nợ và giấy cam kết trả nợ bà Q cung cấp số tiền khác nhau, biên nhận nợ bà Q thừa nhận bà có sửa chữa năm 2018 thành 2019 tại thời điểm làm biên nhận do ghi nhầm năm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Q và bà Phạm Thị L không nhớ số tiền nợ mua tôm giống bằng bao nhiêu, tiền chơi hụi bằng bao nhiêu mà chỉ nhớ khoảng tiền bà L mượn đóng tiền bảo hiểm bằng 5.000.000 đồng và tiền mượn mua xe rửa bằng 800.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất nhau cuốn sổ do bị đơn cung cấp là do nguyên đơn ghi theo dõi nợ trong quá trình làm ăn chung nên lấy quyển sổ này làm căn cứ để tính lại số tiền ông Q, bà L còn thiếu bà Q.

Theo kết quả ghi của cuốn sổ thì đến ngày 30/11/2017 bên ông C còn nợ lại bà Q 237.820.000 đồng (đã có 5.000.000 đồng tiền mua bảo hiểm) cộng với 182.000.000 đồng tiền hụi (bút lục 28) cộng 800.000 đồng tiền mua xe rửa. Tổng cộng bằng 420.620.000 đồng. Tiền lãi từ ngày cam kết trả nợ 07/9/2019 đến khi xét xử sơ thẩm 10/11/2020 là 14 tháng 03 ngày. Tiền lãi bằng 49.225.157 đồng (420.620.000đ x 10%/năm x 14 tháng 03 ngày = 49.225.157đ). Tổng cộng ông

Trần Hữu C và bà Phạm Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị Q bằng 469.845.157 đồng.

[5] Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L ý kiến đề nghị của Luật sư và kiểm sát viên sửa bản án sơ thẩm

[6] Án phí phúc thẩm: các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 96/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ Điều 357; Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ Luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

2. Buộc ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 469.845.157 đồng (*Bốn trăm sáu mươi chín triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm năm mươi bảy đồng*). Trong đó tiền vốn 420.620.000 đồng và tiền lãi 49.225.157 đồng.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L phải chịu 22.793.806 đồng (*hai mươi hai triệu bảy trăm Chín mươi ba ngàn tám trăm lẻ sáu đồng*) nộp tại Cơ quan thi hành án. Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 1.349.129 đồng (*một triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn một trăm hai mươi chín đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Q đã nộp 11.936.500 đồng theo biên lai thu số 0009267 ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên bà Nguyễn Thị Q được nhận lại số tiền 10.587.371 đồng (*mười triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn ba trăm bảy mươi một đồng*) tại Cơ quan thi hành án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Hữu C và bà Phạm Thị L 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003651 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung